

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DS-ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2018
V/v tranh chấp hộ họ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Nhung;

Bà Nguyễn Thị Hồng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2015/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2015 về tranh chấp hộ họ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-DS ngày 13/06/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1944. Trú tại: tiểu khu A, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. (Có mặt).

+ Ông Dương Xuân Đ2, sinh năm 1953. Trú tại: tiểu khu B, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 08/7/2015 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đặng Thị Đ và ông Nguyễn Xuân Đ2 trình bày như sau:

Do có mối quan hệ quen biết cùng xóm nên bà Đ và ông Đ2 có góp họ

cho bà Nguyễn Thị L, trú tại Tiểu khu A, thị trấn H làm chủ họ. Mục đích góp họ để tiết kiệm hàng tháng. Hình thức chơi là mỗi dây họ gồm 15 người, mỗi người tự nguyện góp họ hàng tháng là 2.000.000VNĐ cho chủ họ là bà Nguyễn Thị L, lần lượt bốc họ và nhận tiền lãi. Bà Đ và ông Đ2 đã tham gia nhiều dây họ do bà L làm chủ họ nhưng các dây trước đó đã được bốc họ và nhận tiền lãi hàng tháng. Tuy nhiên, đến dây họ ngày 05/8/2013, ông Đ2 và bà Đ tham gia mỗi người 01 chân.

Thực tế, bà Đ đã nộp họ cho bà L đủ 15 tháng là 30.000.000VNĐ, mặt khác bà L cũng tham gia 01 chân họ trong dây họ ngày 08/01/2014 do bà Đ là người cầm cái, bà L đã nộp cho bà Đ 10 tháng là 20.000.000VNĐ. Sau đó bà L không đóng tiếp 5 tháng còn lại, dây họ này bà L chưa bốc. Dây họ do bà L cầm cái bà Đ chưa được bốc nên hai bên đã thỏa thuận trừ trực tiếp 20.000.000VNĐ từ dây họ bà L nộp do bà Đ cầm cái sang cho bà Đ, do vậy bà L còn phải thanh toán cho bà Đ 10.000.000VNĐ. Sau khi thỏa thuận, bà Đ đồng ý cho bà L tiền lãi và chốt lại số tiền bà L còn phải thanh toán cho bà Đ là 9.000.000VNĐ.

Ông Đ2 đã nộp họ cho bà L 11 tháng là 22.000.000VNĐ thì đến tháng 07/2014, bà L thông báo dừng nhận góp họ. Sau đó, bà L đã xin số tiền lãi và thỏa thuận thống nhất số tiền họ còn phải thanh toán là 19.400.000VNĐ. Để đảm bảo, bà L đã viết giấy xác nhận nợ, hứa đến 30/12/2014 sẽ thanh toán đủ số tiền trên và ông Ngô Tiến Quý (chồng bà L) đã ký xác nhận làm chứng và hứa sẽ có trách nhiệm đôn đốc bà L thanh toán nếu bà L không thanh toán được khi đến hạn sẽ chịu trách nhiệm nhưng sau đó đã không thanh toán số nợ đúng hạn.

Khi dừng góp họ, bà Đ và ông Đ2 chưa được bốc họ. Sau nhiều lần đến yêu cầu thanh toán số tiền đã góp họ, bà L vẫn khất lần nên bà Đ khởi kiện đề nghị bà L phải thanh toán số tiền họ là 9.000.000VNĐ và không yêu cầu tính lãi; ông Đ2 khởi kiện đề nghị bà L phải thanh toán số tiền họ là 19.400.000VNĐ và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu bà L phải thanh toán số tiền bà Đ đã góp họ là 9.000.000VNĐ; ông Đ2 vẫn giữ nguyên yêu cầu bà L phải thanh toán số tiền ông Đ2 đã góp họ là 19.400.000VNĐ, ông Đ2 và bà Đ đều không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L xác nhận bà Đ và ông Đ2 tự nguyện góp họ dây họ ngày 05/8/2013. Mỗi dây họ có 15 người chơi, mỗi tháng góp 2.000.000VNĐ nhưng không có cam kết cụ thể. Bà L cho rằng chỉ là người giữ tiền và cho người chơi đến bốc họ, trả tiền lãi hàng tháng. Tuy nhiên, dây họ này bà Phạm Thị N tham gia góp họ 07 chân và đã bốc họ. Đến ngày 4/7/2014, bà N bỏ trốn khỏi địa phương cùng số tiền họ của những người chơi. Vì vậy, bà L đã có đơn đề nghị công an Mai Sơn giải quyết nhưng vẫn chưa có kết quả. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ2 và bà Đ, bà L cho rằng khi nào đòi được tiền của bà N thì sẽ thanh toán những người chơi trong dây họ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 147, 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 về họ, họ, biểu phượng; khoản 2 Điều 26, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Đ và ông Dương Xuân Đ2.

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị Đ số tiền họ là 9.000.000VNĐ (Chín triệu đồng);

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho ông Dương Xuân Đ2 số tiền họ là 19.400.000VNĐ (Mười chín triệu, bốn trăm nghìn đồng);

Ghi nhận việc bà Đặng Thị Đ và ông Dương Xuân Đ2 không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận có thỏa thuận về việc chơi họ. Sau khi dừng chơi họ, các bên đã có thỏa thuận số tiền họ bà L đã nhận góp họ, tuy nhiên bà L chưa thanh toán số tiền đã góp họ cho người chơi. Do bị đơn bà L cư trú trên địa bàn huyện Mai Sơn nên Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án tranh chấp họ, phù hợp với quy định tại Điều 26 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy bà L thừa nhận tư cách chủ họ (cầm cái) nhận tiền góp họ hàng tháng của thành viên (người chơi) và tổ chức bốc họ, trả tiền lãi cho người chơi với mục đích tiết kiệm

hàng tháng, tương trợ nhau. Vì vậy, giao dịch họ giữa bà L và ông Đ2, bà Đ là có thật, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ vào danh sách nộp họ hàng tháng do chính bà L kê khai và cung cấp (dây họ ngày 05/8/2013) và xác nhận của bà L về việc còn nợ bà Đ 9.000.000đ, căn cứ danh sách nộp hàng tháng do ông Đ2 cung cấp có chữ ký xác nhận của bà L và nội dung xác nhận của bà L thu của ông Đ2 19.400.000đ hẹn đến hết tháng 12/2014 trả. Tất cả các căn cứ này đều chứng minh bà L là người trực tiếp nhận tiền góp họ của ông Đ2 và bà Đ. Bà L là người cầm cái. Bà L cho rằng bà Phạm Thị N tham gia 07 chân trong dây họ này đã cầm tiền họ của mọi người và bỏ trốn khỏi địa phương nên chưa thanh toán cho những người chơi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà L không chứng minh được việc bà N là người cầm tiền. Việc không thanh toán tiền cho ông Đ2 và bà Đ thuộc trách nhiệm của bà L, hơn nữa bà L là người có lỗi trong việc cầm cái hui họ, không thông báo cho các người chơi họ về việc bóc họ làm thất thoát toàn bộ số tiền của người chơi mà bà L là người trực tiếp thu tiền, quản lý. Sau khi dừng chơi họ, các bên đã tự thỏa thuận thống nhất trừ đi số tiền lãi, số tiền họ bà L còn nợ bà Đ là 9.000.000VNĐ; nợ ông Đ2 là 19.400.000VNĐ. Đây là thỏa thuận tự nguyện của chủ họ và thành viên, không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 về họ, hui, biểu phường quy định: *“Trong trường hợp chủ họ đã thu các phần họ của các thành viên nhưng không giao cho thành viên được lĩnh họ thì theo yêu cầu của thành viên có quyền lĩnh họ, chủ họ phải giao các phần họ đã thu được cho thành viên đó và bồi thường thiệt hại nếu có”*. Do ông Đ2 và bà Đ không yêu cầu tính lãi thể hiện ý chí tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Vì những lý do trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần buộc bà L phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Đ số tiền họ đã thu là 9.000.000VNĐ; thanh toán cho ông Đ2 số tiền là 19.400.000VNĐ.

Đối với ông Ngô Tiến Q là người viết xác nhận nội dung chứng kiến việc thanh toán thỏa thuận với số tiền họ của ông Đ2 là 19.400.000đ. Tuy nhiên việc chơi họ của bà L với những người chơi ông không tham gia. Tại phiên tòa, ông Đ2 xác nhận việc ông Q có chứng kiến việc chốt nợ giữa ông Đ2 và bà L, ông Q ký xác nhận việc bà L còn nợ tiền họ ông Đ2 và hứa có trách nhiệm đôn đốc bà L thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền họ của ông Đ2 là 19.400.000đ, ông Đ2 không yêu cầu ông Q phải có trách nhiệm cùng với bà L thanh toán số tiền họ của ông Đ2 đã nộp cho bà L là 19.400.000đ. Do vậy, không đưa ông Ngô Tiến Q tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Về án phí, lệ phí: bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 147, 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 về họ, họ, biếu phườg; khoản 2 Điều 26, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Đ và ông Dương Xuân Đ2.

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị Đ số tiền họ là 9.000.000VNĐ (Chín triệu đồng);

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho ông Dương Xuân Đ2 số tiền họ là 19.400.000VNĐ (Mười chín triệu, bốn trăm nghìn đồng);

Ghi nhận việc bà Đặng Thị Đ và ông Dương Xuân Đ2 không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.420.000VNĐ (Một triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Ông Dương Xuân Đ2 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 485.000VNĐ (Bốn trăm, tám mươi năm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/01535 ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

Bà Đặng Thị Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 250.000VNĐ (hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/01536 ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hà

